

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

GIẤY PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 1-2-3.055.VX

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

Tên: Công ty TNHH Song Tinh

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Phố Xuân Mai I, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 0211.3870902. Fax: 0211.3530205. E-mail: ct.songtinh@gmail.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302945914. Ngày cấp (thay đổi lần thứ 11): 27/4/2018.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.

II. Nội dung cấp phép:

- Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo Mục 2 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép thực hiện những điều chỉnh theo quy định tại các Phụ lục khác kèm theo (nếu có)

III. Điều khoản thi hành:

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày: / /2022 và thay thế Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.055.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2016.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: VT, TCMT, VPTN&TKQ, QLCT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

IV. CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHỦ XỬ LÝ CTNH

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường), Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường khác có liên quan.
2. Đảm bảo các yêu cầu về xử lý đối với chất thải, cụ thể như sau:
 - Khí thải phát sinh từ hệ thống lò đúc nhôm phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT cột B và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường;
 - Nước thải sản xuất phát sinh phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi được tái sử dụng tuần hoàn.
 - Nước thải sinh hoạt phát sinh phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A trước khi xả ra sông Cà Lồ.
 - Chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh phải được thu gom, xử lý hoặc chuyên giao cho các đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật.
3. Trong trường hợp tiếp nhận thêm CTNH từ các chủ xử lý CTNH khác theo hợp đồng được cơ quan cấp phép chấp thuận thì phải cân đối để đảm bảo tổng công suất xử lý không vượt quá số lượng CTNH được cấp theo Giấy phép này.
4. Khi có nhu cầu thay đổi phương án xử lý trên cơ sở các hệ thống, thiết bị chuyên dụng tái chế, xử lý đã được cấp phép thì phải có văn bản giải trình gửi cơ quan cấp phép để xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.
5. Tính toán cho địa bàn xa nhất được cấp phép (vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung), năng lực tự vận chuyển CTNH về Nhà máy để xử lý của Công ty đối với toàn bộ các phương tiện vận chuyển không vượt quá 4.400.000 kg/năm. Trường hợp Công ty có nhu cầu tăng năng lực tự vận chuyển CTNH về Nhà máy để xử lý thì phải có phương án bổ sung phương tiện vận chuyển CTNH hoặc tăng cường đội ngũ lái xe để tăng ca, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chấp thuận.
6. Đảm bảo lượng chất thải tiếp nhận tại một thời điểm nhất định không vượt quá công suất của kho lưu giữ CTNH được ghi trong Giấy phép.
7. Được phép sử dụng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý CTNH được cấp phép để thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có tính chất tương tự với các nhóm CTNH được cấp phép.

V. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ XỬ LÝ

Tên cơ sở xử lý (duy nhất): Công ty TNHH Song Tinh.

Địa chỉ: Phố Xuân Mai I, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 0211.3870902. **Fax:** 0211.3530205. **E-mail:** ct.songtinh@gmail.com

VI. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Giấy phép này bảo lưu xác nhận việc thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở dịch vụ môi trường và tái chế phế liệu Song Tinh” được phê duyệt theo Quyết định số 1910/QĐ-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gồm:

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, gồm: bể thu gom, bể tạo bông, bể lắng lọc, bể tuần hoàn (nước thải sau xử lý được sử dụng tuần hoàn).
- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 5 m³/ngày đêm gồm: hệ bể tự hoại 3 ngăn: bể lắng cặn thô, bể lên men yếm khí, bể lắng cặn trong. Sau đó, nước thải được dẫn vào bể Bastaf 5 ngăn, dung tích 5 m³
- Hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ các lò đúc nhôm, gồm: hệ thống chụp hút, đường ống thu gom, quạt hút, hệ thống dàn phun dung dịch hấp thụ (nằm trong ống khói), ống khói cao 21 m.
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có Mã số QLCTNH: 1-2-3.055.VX
cấp lần 2 ngày tháng năm 2019)

1. Địa bàn hoạt động được phép (quy định tại Bảng 3, Phụ lục 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT)

| Vùng | Tỉnh |
|--------------------------------------|----------------|
| Trung du và miền núi phía Bắc | “Toàn bộ vùng” |
| Đồng bằng sông Hồng | “Toàn bộ vùng” |
| Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung | “Toàn bộ vùng” |

2. Danh sách phương tiện, thiết bị được phép vận hành:

| TT | Phương tiện, thiết bị chuyên dụng | Số lượng | Loại hình |
|-----------|---|----------------------|--------------|
| I | Danh sách phương tiện, thiết bị quản lý CTNH | | |
| 1 | Thiết bị xử lý, tiêu hủy CTNH | | |
| 1.1 | Hệ thống tẩy rửa nhựa và kim loại nhiễm dầu (gồm 03 máy quay li tâm và 01 bể ngâm tẩy), công suất 2.700 kg/giờ) | 01 | Xử lý |
| 1.2 | Hệ thống súc rửa thùng phuy, công suất 100 kg/giờ | 01 | |
| 2 | Phương tiện vận chuyển | | |
| 2.1 | Nhóm xe tải thùng hở phủ bạt: - Xe Hyundai, tải trọng 3,15 tấn, BKS: 88H-5544 - Xe Hyundai, tải trọng 4,6 tấn, BKS: 88H-6488 - Xe Hyundai, tải trọng 4,5 tấn, BKS: 88H-8155 - Xe GiaiPhong, tải trọng 0,7 tấn, BKS: 88C-051.50 - Xe TruongGiang, tải trọng 8 tấn, BKS: 88C-051.76 - Xe TruongGiang, tải trọng 8 tấn, BKS: 88C-096.98 - Xe JAC, tải trọng 9,75 tấn, BKS: 88C-126.02 - Xe JAC, tải trọng 17,99 tấn, BKS: 88C-133.07 | 08 | Vận chuyển |
| 2.2 | Xe tải tự đổ: - Xe DongFeng, tải trọng 7,7 tấn, BKS: 88C -010.80 | 01 | |
| 2.3 | Nhóm xe tải thùng kín: - Xe KIA, tải trọng 0,8 tấn, BKS: 88C-027.10 - Xe Veam, tải trọng 1,49 tấn, BKS: 88C-051.74 | 02 | |
| 3 | Phương tiện, thiết bị lưu giữ | | |
| 3.1 | Kho lưu giữ CTNH, diện tích: 58m ² , tương đương năng lực lưu giữ 174 m ³ | 01 | Lưu giữ CTNH |
| 3.2 | Bao bì, thùng chứa chuyên dụng: - Bao PE, PP 2 lớp, bao tải Jumbo - Thùng phuy nhựa, sắt 100, 200 lít | Theo nhu cầu thực tế | |
| II | Danh sách thiết bị quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường | | |
| 1 | Hệ thống lò đúc nhôm gồm: - 02 lò đơn lớn, công suất 225 kg/giờ/lò - 04 lò đơn nhỏ, công suất 90 kg/giờ/lò - 02 lò kép (04 lò đơn), công suất 175 kg/giờ/lò. | 01 | Tái chế |

3. Danh sách CTNH được phép vận chuyển, xử lý:

| T T | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | Số lượng được phép xử lý (kg/năm) | Mã CTNH | Phương án xử lý | Mức độ xử lý |
|----------------------|---|--------------------------|--|--|--|--|
| I | Chất thải xử lý bằng hệ thống tẩy rửa nhựa và kim loại nhiễm dầu | | 20.000.000 | | | |
| 1 | Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu | Rắn | | 07 03 11 | Quay li tâm tách dầu, ngâm tẩy làm sạch phế liệu, nhôm sạch được đưa vào lò nấu. Nước thải được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sử dụng tuần hoàn | QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT |
| 2 | Phế liệu nhựa, kim loại dính dầu từ quá trình xử lý bề mặt, tạo hình kim loại và gia công cơ khí | Rắn | | 07 01 10 07 03 10 | | |
| 3 | Phế thải kim loại (kể cả hợp kim của chúng) có bám dính dầu từ quá trình xây dựng và phá dỡ | Rắn | | 11 04 01 11 04 02 | | |
| 4 | Chất thải từ quá trình nhiệt luyện nhôm | Rắn | | 05 02 01 05 02 02 05 02 03 05 02 04 | | |
| II | Chất thải được xử lý bằng hệ thống súc rửa thùng phuy | | 250.000 | | | |
| 1 | Thùng phuy thải (loại 200 lít) dính dầu | Rắn | | 18 01 02 18 01 03 18 01 04 | Súc rửa thùng phuy bằng dung môi, dung môi thải đưa vào hệ thống ngâm tẩy dầu. Thu hồi thùng phuy sạch | QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT |
| Tổng số lượng | | | 20.250.000 | | | |

4. Hồ sơ kèm theo Giấy phép:

Bộ Hồ sơ sau đây được Bộ Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy phép và Phụ lục của Giấy phép này:

Bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số QLCTNH: 1-2-3.055.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày tháng năm 2019”.